



RSM DTL Auditing
Connected for Success

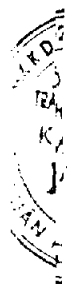
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

15/06/2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Việt Hoài	Chủ tịch
Ông Trần Văn Tôn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Toàn	Phó Giám đốc (Từ nhiệm từ ngày 01/01/2013)
Ông Hoàng Duy Lâm	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2013)

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty, trong đó có khoản vay dài hạn đến hạn trả là 47.347.067.529 đồng, vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 58.153.585.089 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 63.983.902.827 đồng). Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư, ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tới.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU HOÀN

1554
G 1
O,
J
30



Số: 14.169/BCSX-2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 22 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

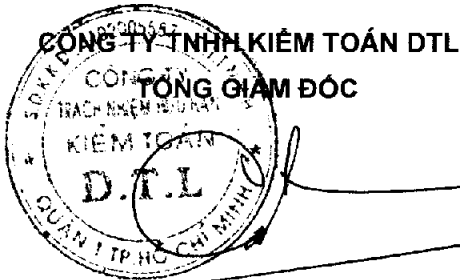
Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý về báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 các vấn đề như sau:

- Như đã trình bày tại mục 4.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, tại ngày 30/06/2013 số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ nợ phải trả cuối năm 2009 và 2010 theo quy định tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính được tiếp tục phân bổ vào chi phí tài chính trong các năm sau theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính với số tiền là 9.291.560.378 đồng. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 thì số chênh lệch tỷ giá này phải được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh của năm 2009 và 2010.



- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.12 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, các khoản phải trả ngắn hạn của Công ty, trong đó có khoản vay dài hạn đến hạn trả là 47.347.067.529 đồng, đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 58.153.585.089 đồng. Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0425-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.884.092.829	22.033.545.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.599.829.992	2.720.801.686
1. Tiền	111		1.599.829.992	2.720.801.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	923.806.051	1.399.382.884
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		424.864.743	452.695.680
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		498.941.308	946.687.204
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	8.920.391.258	11.263.244.016
1. Hàng tồn kho	141		8.920.391.258	11.263.244.016
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.440.065.528	6.650.117.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		917.866.468	888.079.278
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.434.201.067	5.692.397.896
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		87.997.993	69.640.000

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.737.389.723	200.646.003.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		163.909.222.775	171.948.424.757
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	157.020.247.654	165.059.449.636
+ Nguyên giá	222		331.656.660.468	331.656.660.468
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.636.412.814)	(166.597.210.832)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	6.683.820.000	6.683.820.000
+ Nguyên giá	228		6.683.820.000	6.683.820.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		205.155.121	205.155.121
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.828.166.948	28.697.578.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	22.811.166.948	28.680.578.840
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.000.000	17.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.621.482.552	222.679.549.357

1102
CỔ
ĐƠN
KIỂM
Đ
1171

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		176.190.810.389	183.575.875.995
I. Nợ ngắn hạn	310		77.037.677.918	86.017.448.587
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	48.394.067.529	50.130.072.592
2. Phải trả người bán	312	5.8	15.385.461.323	23.671.348.763
3. Người mua trả tiền trước	313	5.8	4.272.394	4.203.680
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	115.347.000	162.579.191
5. Phải trả người lao động	315	5.10	3.674.879.587	4.455.479.300
6. Chi phí phải trả	316	5.11	7.001.413.505	4.755.724.035
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.376.596.530	2.711.300.976
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		85.640.050	126.740.050
II. Nợ dài hạn	330		99.153.132.471	97.558.427.408
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	99.153.132.471	97.558.427.408
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.430.672.163	39.103.673.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	29.430.672.163	39.103.673.362
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(188.100.000)	(188.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(9.291.560.378)	(9.428.410.378)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(11.089.667.459)	(1.279.816.260)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.621.482.552	222.679.549.357

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN HẢI ÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		67.546,65	126.463,74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THANH HÀ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013
KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THANH HÀ



NGUYỄN HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	44.964.824.980	52.826.473.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.964.824.980	52.826.473.793
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	45.318.033.315	43.804.443.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(353.208.335)	9.022.030.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		126.437.577	141.997.831
7. Chi phí tài chính	22	6.3	6.499.757.777	5.214.643.650
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.917.794.229	4.165.768.939
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	962.809.148	1.565.538.285
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.120.513.516	2.383.846.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.809.851.199)	-
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.809.851.199)	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.809.851.199)	-
18. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.14.4	(1.969)	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THANH HÀ

LÊ THANH HÀ



NGUYỄN HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN HẢI ÂU**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.809.851.199)	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		8.039.201.982	8.043.912.220
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.388.697.165	307.447.737
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
Chi phí lãi vay	06		3.917.794.229	4.165.768.939
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.535.842.177	12.517.128.896
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(285.969.338)	1.257.389.086
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.342.852.758	(3.773.670.354)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(9.738.551.530)	2.846.767.810
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.839.624.702	481.662.290
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.250.295.234)	(4.228.497.004)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(78.769.091)	(442.239.871)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		1.364.734.444	8.658.540.853
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.210.640.000	16.294.549.599
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.708.140.000)	(24.987.929.949)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.172.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.508.672.000)	(8.693.380.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.143.937.556)	(34.839.497)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.720.801.686	67.852.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		22.965.862	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.599.829.992	33.013.432

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





LÊ THANH HÀ

LÊ THANH HÀ

NGUYỄN HỮU HOÀN

410
C
O
N
T
I
E
N
D
.
T
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

05582
NG T
19 40
10A
C.I
6 C.V

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đối với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ nợ phải trả cuối năm 2009 và 2010 mà Công ty đã áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC thì số dư chưa được phân bổ hết vào chi phí trong năm được tiếp tục phân bổ vào chi phí tài chính theo số năm còn lại kể từ ngày Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 có hiệu lực thi hành.

Áp dụng việc trình bày như nêu trên có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS 10, tất cả các chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo đó, việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC làm thay đổi các khoản mục được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Trình bày theo VAS 10	Trình bày theo Thông tư 179	Chênh lệch
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(9.291.560.378)	(9.291.560.378)
420	Lợi nhuận chưa phân phối	(1.798.107.081)	(11.089.667.459)	(9.291.560.378)

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Quyền sử dụng đất	Không khấu hao

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty, trong đó có khoản vay dài hạn đến hạn trả là 47.347.067.529 đồng, vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 58.153.585.089 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 63.983.902.827 đồng). Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư, ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tới.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	138.841.982	58.243.872
Tiền gửi ngân hàng	1.460.988.010	2.662.557.814
Tổng cộng	1.599.829.992	2.720.801.686

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	-	-
Trả trước cho người bán	424.864.743	452.695.680
Các khoản phải thu khác	498.941.308	946.687.204
Tổng cộng	923.806.051	1.399.382.884

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền bồi thường bảo hiểm	177.289.414	682.646.884
Các khoản phải thu khác	321.651.894	264.040.320
Tổng cộng	498.941.308	946.687.204

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhiên liệu, vật liệu	8.920.281.258	11.262.674.016
Công cụ, dụng cụ	110.000	570.000
Tổng cộng	8.920.391.258	11.263.244.016

A102
CỔ
PHẦN
KIẾN
D.
1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.235.675.183	199.069.952	324.004.750.900	217.164.433	331.656.660.468
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.235.675.183	199.069.952	324.004.750.900	217.164.433	331.656.660.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	616.914.128	188.017.051	165.575.115.220	217.164.433	166.597.210.832
Khấu hao trong năm	72.356.754	10.292.868	7.956.552.360	-	8.039.201.982
Số dư cuối năm	689.270.882	198.309.919	173.531.667.580	217.164.433	174.636.412.814
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.618.761.055	11.052.901	158.429.635.680	-	165.059.449.636
Tại ngày cuối năm	6.546.404.301	760.033	150.473.083.320	-	157.020.247.654

Nguyên giá tài sản khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 41.412.674.969 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp cho các khoản vay là 150.473.083.320 đồng - Xem thêm mục 5.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa tàu	17.846.866.450	23.189.758.856
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	4.964.300.498	5.490.819.984
Tổng cộng	22.811.166.948	28.680.578.840

5.7. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân	1.047.000.000	2.088.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.13	47.347.067.529	48.041.572.592
Tổng cộng	48.394.067.529	50.130.072.592

Khoản vay ngắn hạn cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp, không có thời hạn vay cụ thể và chịu lãi suất từ 12%/năm.

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	15.385.461.323	23.671.348.763
Người mua trả tiền trước	4.272.394	4.203.680
Tổng cộng	15.389.733.717	23.675.552.443

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	78.769.091
Thuế thu nhập cá nhân	115.347.000	83.810.100
Tổng cộng	115.347.000	162.579.191

5.10. Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản tiền lương trong năm còn phải trả một số thuyền viên do đang công tác dài ngày trên các tàu.

5.11. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí bảo hiểm tàu	-	473.479.307
Chi phí lãi vay	7.001.413.505	4.282.244.728
Tổng cộng	7.001.413.505	4.755.724.035

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ tức	824.461.600	835.633.600
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	585.025.694	810.769.894
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	445.725.792	282.409.145
Các khoản phải trả khác	521.383.444	782.488.337
Tổng cộng	2.376.596.530	2.711.300.976

5.13. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn ngân hàng bằng USD nhằm mục đích mua và đóng các tàu kinh doanh vận tải biển, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (là các con tàu Sea Dream, Sea Dragon và Northern Star). Các khoản vay này có kỳ hạn từ 93 đến 111 tháng và chịu lãi suất hiện tại từ 4,3% đến 6,5%/năm - Xem thêm mục 5.4.

Số dư vay còn lại đến 30/06/2013 là 146.500.200.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 47.347.067.529 đồng – Xem thêm mục 5.7.

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu Quý	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	ĐVT: ngàn đồng Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000	(188.100)	(11.216.796)	583.677	39.178.781
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(1.863.493)	(1.863.493)
Giảm khác	-	-	1.788.386	-	1.788.386
Số dư đầu năm nay	50.000.000	(188.100)	(9.428.410)	(1.279.816)	39.103.674
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(9.809.851)	(9.809.851)
Giảm khác	-	-	136.850	-	136.850
Số dư cuối kỳ	50.000.000	(188.100)	(9.291.560)	(11.089.667)	29.430.673

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo Hiểm Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Hàng Hải	4.410.000.000	4.410.000.000
Các cổ đông khác	27.950.000.000	27.950.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

5.14.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.000.000	5.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(18.810)	(18.810)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phần.

5.14.4. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(9.809.851.199)	-
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	4.981.190	4.981.190
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(1.969)	-

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển.

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển.

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	3.917.794.229	4.165.768.939
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.581.963.548	1.048.874.711
Tổng cộng	6.499.757.777	5.214.643.650

6.4. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.401.649.559	1.709.806.678
Chi phí vật liệu, đồ dùng	45.004.260	38.685.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.026.218	76.459.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.982.525	124.132.808
Chi phí khác bằng tiền khác	505.850.954	434.762.064
Tổng cộng	2.120.513.516	2.383.846.649

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	-18.232.070.260	17.350.646.876
Chi phí nhân công	7.775.328.555	8.684.220.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.039.201.982	8.043.932.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.199.739.686	9.803.585.780
Chi phí khác bằng tiền	2.155.015.496	3.871.442.979
Tổng cộng	48.401.355.979	47.753.827.974

7. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh vận tải biển nên báo cáo tài chính cũng đã thể hiện tình hình kinh doanh theo bộ phận hoạt động kinh doanh. Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là xuất khẩu dịch vụ. Do đó, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh.

1102
 CỔ
 NI
 TIẾN
 D.
 1 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, đơn vị sau đây được xem là bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty liên kết

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Giám đốc	224.089.900	336.540.000

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền	1.599.829.992	2.720.801.686
Phải thu khác	498.941.308	946.687.204
Tổng cộng	2.098.771.300	3.667.488.890
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	147.547.200.000	147.688.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	17.316.332.061	26.382.649.739
Chi phí phải trả	7.001.413.505	4.755.724.035
Tổng cộng	171.864.945.566	178.826.873.774

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	7.249.783,67	7.272.923,00	86.303,35	143.134,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	17.316.332.061	-	17.316.332.061
Chi phí phải trả	7.001.413.505	-	7.001.413.505
Vay nợ	48.394.067.529	99.153.132.471	147.547.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN HẢI ÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	26.382.649.739	-	26.382.649.739
Chi phí phải trả	4.755.724.035	-	4.755.724.035
Vay nợ	50.130.072.592	97.558.427.408	147.688.500.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khác	498.941.308	-	498.941.308

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khác	946.687.204	-	946.687.204

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 08 năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013

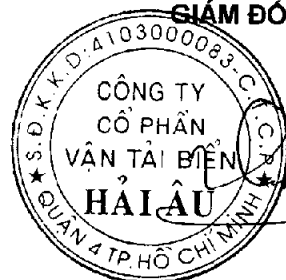
NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THANH HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THANH HÀ

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU HOÀN